

Đơn vị: **TRƯỜNG MẦM NON BẾN THÀNH**
Chương: **622 - Mã QHNSNS: 1068896**

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC - NĂM 2021
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị, dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị tính: ngàn đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu học phí, thu khác	2.526.150	2.526.150	0	
1	- Thu học phí	249.340	249.340		
	Trong đó: miễn giảm HP, hỗ trợ tiền ăn trưa ND86	0	0		
2	- Thu khác	2.276.810	2.276.810		
	+ Tiền công giặt nệm	52.100	52.100		
	+ Quản lý năng khiếu	39.754	39.754		
	+ Tiền công phục vụ bán trú	680.330	680.330		
	+ Tiền công phục vụ ăn sáng	293.232	293.232		
	+ Trang thiết bị bán trú	67.979	67.979		
	+ Tiền tiến hội nhập	1.062.114	1.062.114		
	+ Tiền vệ sinh bán trú	81.302	81.302		
II	Chi từ học phí, thu khác	1.847.844	1.847.844	0	
a	- Chi từ thu học phí	104.445	104.445		
b	- Chi từ thu khác	1.743.398	1.743.398		
	+ Tiền công giặt nệm	38.733	38.733		
	+ Quản lý năng khiếu	33.350	33.350		
	+ Tiền công phục vụ bán trú	605.505	605.505		
	+ Tiền công phục vụ ăn sáng	245.511	245.511		
	+ Trang thiết bị bán trú	49.165	49.165		
	+ Tiền tiến hội nhập	700.945	700.945		
	+ Tiền vệ sinh bán trú	70.189	70.189		
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	1.000	1.000	0	
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	9.207.749	9.207.749	0	
1	Chi quản lý hành chính	233.443	233.443		
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	8.974.306	8.974.306		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.462.620	5.462.620		
	Trong đó: - Miễn giảm học phí, Hỗ trợ tiền ăn trưa	0	0		
	- Chi thu nhập tăng thêm	254.900	254.900		
	- Trích lập các quỹ tại đơn vị	885.755	885.755		
		1.980.624	1.980.624		
3.2	Kinh phí cải cách tiền lương				
	Trong đó: - Chi Chênh lệch lương CS và các khoản khác theo lương	28.976	28.976		
	- Chi thu nhập tăng thêm theo NQ03/2018	1.951.648	1.951.648		
3.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.764.505	1.764.505		

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
	Trong đó: - Tiền Tết Nguyên Đán	85.500	85.500		
	- Tiền chế độ nghỉ việc		0		
	- Tiền sửa chữa, xây lắp	399.891	399.891		
	- Tiền trang bị CSVC	88.066	88.066		
	- Chi phụ cấp thu hút, PC đặc biệt khác của ngành	1.191.049	1.191.049		
II	Nguồn vốn viện trợ	0	0	0	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0	0	0	

Quảng Ngãi, ngày 08 tháng 4 năm 2022
 Trưởng đơn vị

 Nguyễn Mai Hằng